TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2019/HS-ST
Ngày: 17- 9 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Tiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Lệ Thi;

2. Ông Lưu Huỳnh Quang Thắng.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Võ Đại Nam, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Th, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 69/2019/TLST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2019/QĐXXST - HS ngày 03 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Ph (Nguyễn Ngọc T, Tý C), sinh năm 1986; Nghề nghiệp: mua bán; Nơi cư trú: tổ 9, khóm V, phường S, thành phố D, tỉnh An Giang; Trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Th (đã chết) và bà Mai Thị B, anh chị em ruột có 04 người, bị cáo là người thứ ba.

Tiền án:

- Ngày 14/7/2011, Tòa án nhân dân thị xã Châu Đốc (nay là thành phố Châu Đốc) xử phạt 2 năm tù về tội cố ý gây thương tích (đã chấp hành xong hình phạt ngày 01/11/2012, chưa được xóa án tích);

- Ngày 28/02/2014, Tòa án thành phố Châu Đốc xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản (đã chấp hành xong hình phạt ngày 01/3/2015, chưa được xóa án tích);

- Ngày 17/11/2016, Tòa án thành phố Châu Đốc xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản (đã chấp hành xong hình phạt ngày 20/9/2017, chưa được xóa án tích).

Tiền sự: chưa.

Nhân thân:

- Ngày 30/8/2004, Tòa án nhân dân thị xã Châu Đốc (nay là thành phố Châu Đốc) xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội cướp giật tài sản;

- Ngày 15/6/2006, Tòa án nhân dân thị xã Châu Đốc (nay là thành phố Châu Đốc) xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 14/6/2019 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trần Phước T – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh An Giang, có mặt.

Người phiên dịch cho bị cáo:

- Ông Nguyễn Trần Th – Giáo viên trường trẻ em khuyết tật tỉnh An Giang, có mặt;

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1963, nơi cư trú: tổ 9, khóm V, phường S, thành phố D, tỉnh An Giang, vắng mặt.

Bị hại:

- Ông Lý Dương Th1, sinh năm 1976, nơi cư trú: tổ 1, khóm T, phường N, thành phố D, tỉnh An Giang, vắng mặt;

- Bà Phan Thị Mỹ D, sinh năm 2001, nơi cư trú: tổ 9, khóm V, phường S, thành phố D, tỉnh An Giang, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Bà Dương Thị H, sinh năm 1946, nơi cư trú: tổ 9, khóm V, phường S, thành phố D, tỉnh An Giang, vắng mặt;

- Ông Phạm Văn Th2, sinh năm 1970, nơi cư trú: tổ 23, khóm T, phường N, thành phố D, tỉnh An Giang, vắng mặt.

Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị Bé H1, sinh năm 1982, vắng mặt.

- Ông Châu Văn T, sinh năm 1972, vắng mặt.

- Em Phan Hữu Nh, sinh năm 2010, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của em Phan Hữu Nh: Bà Nguyễn Thị Bé H1, sinh năm 1982, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Vụ thứ nhất: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 11/12/2018, Nguyễn Văn Ph đang bán nhang tại sân chùa Tây An (thuộc khu vực tổ 01, khóm T, phường N, thành phố D, tỉnh An Giang) do ông Lý Dương Th1 (pháp danh Thích Pháp Thiện) quản lý. Do thấy chỉ còn 01 bảo vệ trông coi chùa nên Ph lẻn vào bên

trong lấy trộm 02 chân đèn của nhà chùa, sau đó mang bán cho bà Dương Thị H với giá 400.000 đồng, Ph dùng mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân.

- Vụ thứ hai: Khoảng 02 giờ ngày 26/4/2019, Ph đến nhà Phan Thị Mỹ D thuộc khu vực tổ 09, khóm V, phường S, thành phố D, tỉnh An Giang. Khi đến nơi, Ph nhìn thấy cửa chính nhà D không khóa, D đang ngủ say, dưới nền gạch trước ngực chỗ D nằm có để một điện thoại di động màu đen. Quan sát xung quanh thấy cánh cửa ra vào phần dưới có kẻ hở nên Ph khom người, quỳ gối, dùng hai tay kéo phần chân cánh cửa ra rồi chồm người vào trong lấy trộm điện thoại. Sau đó, mang bán cho ông Phạm Văn Th2 với giá 500.000 đồng, số tiền bán điện thoại Ph mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân, còn lại 175.000 đồng sau khi bị phát hiện đã trả lại cho ông Th2.

Vật chứng thu giữ: 02 chân đèn bằng đồng; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Huawei Y7 Pro, màn hình cảm ứng, màu đen.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 56/KL-ĐG ngày 09/01/2019 và số 190/KL-ĐG ngày 14/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thành phố Châu Đốc kết luận:

- 02 chân đèn bằng đồng, cùng chiều cao 42 cm, đường kính đế chân đèn 18,8 cm, thân chân đèn có đường kính 22,7 cm, khắc chữ TA, tổng trọng lượng 7,5 kg, đã qua sử dụng tỷ lệ sử dụng còn lại 70%, tổng giá trị còn lại 1.400.000 đồng;

- 01 điện thoại di động hiệu Huawei Y7 Pro, màu đen, Imei1: 867615041868685, Imei2: 867615041908694, Ram 3Gb, dung lượng 32Gb, đã qua sử dụng, tỷ lệ sử dụng còn lại 70%, giá trị còn lại 2.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt 3.400.000 đồng.

Ngày 01/4/2019 và ngày 29/5/2019 Cơ quan điều tra - Công an thành phố Châu Đốc ra Quyết định khởi tố vụ án, Quyết định khởi tố bị can, Quyết định nhập vụ án hình sự đối với bị can Nguyễn Văn Ph.

Bản Cáo trạng số 68/CT-VKSCĐ ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Ph về tội "*Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, thông qua người phiên dịch, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố, không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên, xin được giảm nhẹ hình phạt.

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội:

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa nên có cơ sở xác định bị cáo đã có hành vi lén lút trộm cắp 02 chân đèn và 01 điện thoại di động, tổng giá trị tài sản là 3.400.000 đồng.

Ngày 14/7/2011, Tòa án nhân dân thị xã Châu Đốc (nay là thành phố Châu Đốc), tỉnh An Giang, kết án 02 năm tù, về tội *"Cố ý gây thương tích"*; ngày 28/02/2014, Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, kết án 01 năm 06 tháng tù, về tội *"Trộm cắp tài sản"* (trị giá tài sản chiếm đoạt 7.000.000 đồng; tái phạm); ngày 17/11/2016, Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, kết án 09 tháng tù, về tội *"Trộm cắp tài sản"* (trị giá tài sản chiếm đoạt 288.000 đồng, tái phạm); các Bản án, đã chấp hành án xong, chưa xóa án tích mà lại thực hiện hành vi với lỗi cố ý nên đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự . Từ đó, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội đúng quy định pháp luật.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, thuộc thành phần lao động nghèo, không biết chữ, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế, khuyết tật nặng (khuyết tật nghe, nói do câm điếc bẩm sinh) là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Ph từ 02 năm đến 03 năm tù về tội "*Trộm cắp tài sản*".

Về hình phạt bổ sung, bị cáo có thu nhập thấp, nghề nghiệp không ổn định nên đề nghị không áp dụng đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Vật chứng đã được giao trả lại cho bị hại nên không đề cập giải quyết.

Về trách nhiệm dân sự, bị hại Lý Dương Th1, Phan Thị Mỹ D đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường nên không không xem xét.

- Người bào chữa cho bị cáo thống nhất quan điểm luận tội của đại diện Viện Kiểm sát đối với bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt đối với bị cáo ở mức thấp nhất khung hình phạt như theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là 02 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:*

Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Mặc dù, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng này.

Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Châu Đốc, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, Kiểm sát viên được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến khiếu nại nên về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi bị truy tố, bị cáo Nguyễn Văn Ph, thông qua người phiên dịch, bị cáo khai nhận khoảng 10 giờ 30 phút ngày 11/12/2018, lợi dụng lúc chùa Tây An chỉ còn 01 bảo vệ trông coi, bị cáo đã lẻn vào bên trong chùa lấy trộm 02 chân đèn bằng đồng, sau đó mang bán cho bà H được 400.000 đồng. Đồng thời, vào khoảng 02 giờ sáng ngày 26/4/2019, bị cáo đến nhà của D, khi nhìn qua khe cửa thấy D đang nằm ngủ, lợi dụng cửa không khóa và đêm khuya vắng người, bị cáo đã chui qua khoảng trống dưới chân cửa, lấy trộm một điện thoại di động của D, sau đó mang bán cho ông Th2 được 500.000 đồng. Tổng số tiền bán tài sản trộm cắp là 900.000 đồng, bị cáo dùng mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân, còn lại 175.000 đồng đã giao trả lại cho ông Th2.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của bị hại Lý Dương Th1, Phan Thị Mỹ D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Dương Thị H, Phạm Văn Th2 và những người làm chứng Nguyễn Thị Bé H1, Châu Văn T, Phan Hữu Nh cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ các chứng cứ trên, có cơ sở xác định, bị cáo đã lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của bị hại, lén lút lấy trộm 02 chân đèn của chùa Tây An và 01 điện thoại di động của D, căn cứ kết luận định giá tài sản số 56/KL-ĐG ngày 09/01/2019 và kết luận định giá tài sản số 190/KL-ĐG ngày 14/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Châu Đốc, tổng giá trị tài sản mà bị cáo lấy trộm là 3.400.000 đồng.

Mặc dù bị cáo là người khuyết tật nặng (bị câm, điếc bẩm sinh) nhưng vẫn là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện với mục đích đem bán lấy tiền mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân. Bên cạnh đó, ngày 17/11/2016, Tòa án thành phố Châu Đốc xử phạt bị cáo 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm. Đến nay, bản án nêu trên chưa được chưa xóa án tích mà bị cáo lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên đã thỏa mãn trường hợp tái phạm nguy hiểm theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Bộ luật hình sự.

Từ đó, có căn cứ kết luận hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người nghiện ma túy chỉ vì muốn có tiền mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân mà đã bất chấp pháp luật, thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân, gây hoang mang trong nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa Ph. Ngoài ra, khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có 03 tiền án (01 tiền án về tội cố ý gây thương tích, 02 tiền án về tội trộm cắp tài sản). Bên cạnh đó, bị cáo còn có nhân thân xấu, đã từng bị xử phạt tù về tội cướp giật tài sản và tội trộm cắp tài sản. Từ đó có thể thấy bị cáo không biết ăn năn hối cải, thể hiện ý thức xem thường pháp luật nên cần thiết phải xử lý nghiêm, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thể hiện thái độ thành khẩn khai báo; người phạm tội là người khuyết tật nặng; thuộc thành phần lao động nghèo, không có trình độ học vấn nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo khi lượng hình.

[5] Về hình phạt bổ sung: do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, thu nhập thấp nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, bà Dương Thị H, ông Phạm Văn Th2 có hành vi mua 02 chân đèn và 01 điện thoại di động do bị cáo mang bán nhưng không biết đây là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bà H, ông Th2 nhưng cần nhắc nhở để chấp hành tốt hơn về chính sách pháp luật của Nhà nước.

[7] Về xử lý vật chứng, 02 chân đèn và 01 điện thoại di động đã được giao trả cho bị hại nên không đề cập giải quyết.

[8] Về trách nhiệm dân sự, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có yêu cầu bồi thường nên không đề cập giải quyết.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo:

Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo là người khuyết tật và có đơn yêu cầu miễn án phí nên thuộc trường hợp không phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173, điểm p, s khoản 1; khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Ph (Nguyễn Ngọc T, Tý C) phạm tội: *"Trộm cắp tài sản";*

Xử phạt: Nguyễn Văn Ph 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày bị tạm giam ngày 14/6/2019 (*mười bốn tháng sáu năm hai nghìn không trăm mười chín*).

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nguyễn Văn Ph không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày, kể từ ngày nhận tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện KSND thành phố (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

Lê Ngọc Tiền